

Số: TVHN-243/AGIA

An Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp ngày 30/8 ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 05-60cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 35-95cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống theo triều, mực nước cao nhất ngày 30/8 ở xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-55cm; mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-20cm; thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 05-55cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 30/8 ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 05-50cm; mực nước thấp nhất hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-80cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước lên dần theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất ngày 30/8 ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-15cm; mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên theo triều trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 01/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 30/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			31/8	01/9	02/9	03/9	04/9	31/8	01/9	02/9	03/9	04/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	205	62	-97	237	26	-84	236	238	242	246	254	209	211	216	221	226
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	126	54	-42	192	10	-24	189	187	190	195	203	131	133	138	143	148
Hậu	Khánh An	420	470	520	337	47	-43	342	39	-37	345	348	351	355	358	338	341	344	349	354
	Châu Đốc	300	350	400	171	44	-78	213	6	-60	211	212	216	220	228	178	180	185	190	195
	Long Xuyên	190	220	250	95	49	-8	181	1	-3	178	177	181	187	197	101	103	108	113	118
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	135	50	-55	196	10	-35	193	192	195	200	208	140	142	147	152	157
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	155	49	-68	156	46	-81	158	160	162	165	168	155	157	159	162	165
	Vinh Gia	200	240	280	72	13	-38	77	10	-48	76	77	80	83	84	70	73	75	77	79
	Vinh Điều	170	200	230	62	8	-9	73	4	-10	72	73	76	77	77	61	64	67	69	70
T3	Vinh Phú	150	180	210	65	1	-6	72	1	-6	71	72	75	76	76	64	67	68	69	70
T5	Nông Trường	160	190	220	74	5	-5	79	3	-7	78	80	83	86	87	72	75	76	77	78
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	107	30	-34	112	17	-35	111	113	116	118	119	105	108	109	110	111
	Cô Tô	140	180	220	109	18	1	113	14	1	111	113	116	118	119	107	110	111	112	113
	Nam Thái Sơn	90	120	150	77	8	-	81	3	-	80	82	85	87	88	75	78	79	80	81
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	73	11	-37	77	9	-41	76	77	80	83	84	71	74	76	78	80
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	119	19	9	128	16	10	126	127	130	133	134	117	120	122	124	126
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	147	37	-19	167	18	-12	165	166	169	172	173	145	148	150	152	154
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	100	19	-21	122	13	-9	120	121	124	127	128	98	101	103	105	107
	Tân Thành	120	150	180	87	14	10	98	10	10	96	97	100	103	104	85	88	90	92	94
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	74	18	17	77	7	11	76	77	80	82	83	72	74	76	78	79
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	4	11	10	52	1	4	51	51	53	55	56	3	5	7	8	8
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-12	11	9	57	-12	4	59	61	67	73	81	-11	-15	-19	-23	-29

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





